

Số: 3151/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả
kinh phí thăm dò một số mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo Công văn số 8796/UBND-KTTC ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc áp dụng danh mục, giá tối thiểu tính thuế tài nguyên và kê khai nộp thuế tài nguyên theo Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 890/TTr-STNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò 12 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (*kèm theo các hồ sơ có liên quan*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với một số mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung như sau:

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác mỏ các đơn vị phải nộp cho toàn bộ thời gian khai thác mỏ (tạm tính): 5.253.044.235 đồng;

2. Tổng số tiền cấp quyền khai thác mỏ các đơn vị phải nộp lần đầu năm 2017 (tạm tính): 1.993.736.164 đồng;

3. Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác mỏ:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo (đối với các đơn vị nộp nhiều lần).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến các đơn vị về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 theo quy định.

2. Các đơn vị được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe; có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có mỏ chỉ đạo UBND các xã liên quan có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sau khi UBND tỉnh ban hành quy định danh mục, giá tối thiểu tính thuế tài nguyên thay thế Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 và Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn về phương pháp quy đổi để thực hiện tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các đơn vị trên theo quy định (nếu có).

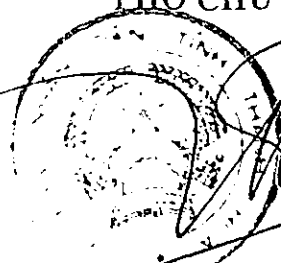
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (nơi có mỏ); Giám đốc các đơn vị khai thác khoáng sản có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /; *Ước*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Lưu: VT, CNXDGT, KTTC (HYT).
- QDKP 17-120

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *chấn*



Lê Thị Thìn

Phụ lục danh sách các đơn vị nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
(Kèm theo Quyết định số 3157/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Địa chỉ mỏ	Loại khoáng sản được phép khai thác	Số Quyết định, Ngày phê duyệt báo cáo thăm dò/Vấn bản đồng ý chủ trương của UBND tỉnh	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt theo báo cáo thăm dò/ trữ lượng được phép khai thác (m3)			Số lần nộp tiền	Giá tính tiền cấp quyền khai thác (đ) (G) Tạm tính theo mức tối thiểu quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính		Hệ số thu hồi khoáng sản (K1)	Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội (K2)	Mức thu tiền khai thác khoáng sản R (%)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		Ghi chú
															Tổng số tiền cấp quyền KTKS phải nộp (đồng)	Số tiền nộp lần đầu (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)			(8)	(9)		(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Công ty TNHH Mạnh Trang	Số nhà 78 khối 3, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	Đất làm vật liệu san lấp	3939/UBND-CN ngày 17/4/2017	16.667			1	49.000		0,9	1	3%	22.050.000	22.050.000	Tận thu lớp đất phủ bề mặt trong quá trình khai thác mỏ đá spilit làm VLXD thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung
2	Công ty TNHH Châu Quý	Thôn Đồng Hạng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	Đất làm vật liệu san lấp	4262/UBND-CN ngày 24/4/2017	23.333			1	49.000		0,9	1	3%	30.870.000	30.870.000	Tận thu lớp đất phủ bề mặt trong quá trình khai thác mỏ đá spilit làm VLXD thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung
3	Công ty TNHH 59 An, Hoạch Đông	Thôn Tân Cộng, xã Đông Tân, thành phố Thanh Hóa	Tuyến đường vành đai phía tây Thanh Hóa	Đất, đá làm vật liệu san lấp	6796/UBND-CN ngày 16/6/2017	22.222			1	49.000		0,9	1	3%	29.400.000	29.400.000	Tận thu khối lượng đất, đá thải trong quá trình thi công đường vành đai phía Tây TP Thanh Hóa
4	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hà Liên	Nhà ông Lê Công Hà, thôn 7, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống	Xã Tân Phúc, huyện Nông Cống	Đất làm vật liệu san lấp	7642/UBND-CN ngày 04/7/2017	56.827			1	49.000		0,9	0,95	3%	71.422.596	71.422.596	Tận thu đất phủ bề mặt và xen kẹp trong các lớp đá trong quá trình khai thác mỏ đá tại xã Tân Phúc, huyện Nông Cống
5	Doanh nghiệp tư nhân Xuân Hiếu	Thôn 2, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống	Xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống	Đất làm vật liệu san lấp	7811/UBND-CN ngày 07/7/2017	16.006			1	49.000		0,9	0,95	3%	20.116.583	20.116.583	Tận thu đất phủ bề mặt và xen kẹp trong các lớp đá trong quá trình khai thác mỏ đá tại xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống
6	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thịnh	Nhà ông Lê Huy Hoàng, thôn Phú Quý, xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống	Xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống	Đất làm vật liệu san lấp	7969/UBND-CN ngày 12/7/2017	34.625			1	49.000		0,9	0,95	3%	43.518.361	43.518.361	Tận thu lớp đất phủ bề mặt trong quá trình khai thác mỏ đá tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống

7	Công ty TNHH Xuân Trường	Thôn 3, xã Quý Lộc, huyện Yên Định	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	Đất, đá làm VLXD thông thường	5176/UBND-CN ngày 15/5/2017	23.450	29.127	2.456	1	65.000	25.000	0,9	1	4%	91.045.500	91.045.500	Truy thu khối lượng đã khai thác năm 2015, 2016 và 2017 tại mỏ đá vôi xã Yên Lâm, huyện Yên Định
8	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Quyết Thắng	Thôn Châu Giang, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương	Nạo vét sông Lạch Trường đoạn từ Cầu Tào đến cửa Lạch Sung	Cát nhiễm mặn	9008/UBND-CN ngày 01/8/2017	83.333			1	56.000		0,9	1	5%	210.000.000	210.000.000	Diện tích huyện Hoằng Hóa 10,33 ha, chiếm 67%; diện tích huyện Hậu Lộc 5ha, chiếm 33%
9	Doanh nghiệp tư nhân Khai thác đá Hải Phú	Nhà ông Lê Văn Hải, xóm Toàn, xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa	Xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc	Đá gabro làm VLXD thông thường	421/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	66.076		12.586	1	70.000	2.100.000	0,9	0,9	3%	326.483.136	326.483.136	
10	Công ty TNHH Một thành viên Thanh Công	Số 5, KCN Bắc Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	Đất làm vật liệu san lấp	7711/UBND-CN ngày 05/7/2017	211.111		48.498	1	49.000	30.000	0,9	1	3%	344.771.850	344.771.850	Gia hạn Giấy phép KTKS số 275/GP-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh
11	Doanh nghiệp tư nhân Hai Lam	Nhà ông Lê Văn Minh, thôn Nam Bàng, xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hoá	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	Đất làm vật liệu san lấp	4265/UBND-CN ngày 24/4/2017	500.000			1	49.000		0,9	1	3%	661.500.000	661.500.000	
12	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hiền	Khu phố 3, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	Đội Chấn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung	Đá split làm VLXD thông thường	5170/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 và 1454/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	1.072.211	77.406	50.005	12	70.000	2.100.000	0,9	1	3%	3.555.608.805	296.300.734	
Tổng cộng															5.253.044.235	1.993.736.164	